

TRƯỜNG TIỂU HỌC CHU VĂN AN

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ 2

NĂM HỌC 2023 - 2024

I. TỪ VỰNG

<i>Vocabulary</i>	<i>Meaning</i>	<i>Vocabulary</i>	<i>Meaning</i>
Unit 11: My home			
1. live	sống	a busy street	một con đường nhộn nhịp
2. street	đường phố	a quiet village	một ngôi làng yên tĩnh
3. road	con đường	a noisy road	một con đường ồn ào
4. in	trong, ở	a big city	một thành phố lớn
5. at	tại (số nhà)		
Unit 12: Jobs			
1. farmer	nông dân	a nursing home	viện điều dưỡng
2. policeman	cảnh sát (nam)	a factory	nhà máy
3. office worker	nhân viên văn	a school	trường học
4. actor	diễn viên (nam)	a farm	nông trại
5. nurse	y tá	a hospital	bệnh viện
Unit 13: Appearance			
1. look like	trông như thế nào	short hair	tóc ngắn
2. tall	cao	long hair	tóc dài
3. short	thấp	round face	khuôn mặt tròn
4. slim	mảnh khảnh	big eyes	mắt to
Unit 14: Daily activities			
1. in the morning	vào buổi sáng	watch TV	xem ti vi
2. in the afternoon	vào buổi chiều	wash the clothes	giặt áo quần
3. at noon	vào buổi trưa	clean the floor	lau nhà
4. in the evening	vào buổi tối	help with the	giúp đỡ việc nấu ăn
5. do housework	làm việc nhà	wash the dishes	rửa chén, bát
Unit 15: My family's weekends			
1. gym	phòng tập gym	cook meals	nấu ăn
2. shopping centre	trung tâm mua sắm	play tennis	chơi quần vợt
3. sports centre	trung tâm thể thao	watch films	xem phim
4. swimming pool	hồ bơi	do yoga	tập yo-ga

5. cinema	rạp chiếu phim	stay at home	ở nhà
6. a lot of	nhiều	together	cùng nhau
Unit 16: Weather			
1. weather	thời tiết	foodstall	quầy hàng thực phẩm
2. last weekend	cuối tuần vừa qua	bookshop	hiệu sách
3. yesterday	ngày hôm qua	supermarket	siêu thị
4. sunny	có nắng	bakery	hiệu bánh
5. rainy	có mưa	water park	công viên nước
6. windy	có gió	lovely	vui vẻ, đáng yêu
7. cloudy	có mây	great	tuyệt vời
Unit 17: In the city			
1. stop	dừng lại	go straight	đi thẳng
2. go	đi	turn round	quay ngược lại
3. turn right	rẽ phải	get (to)	đến (địa điểm)
4. turn left	rẽ trái	on the left	bên trái
5. buy	mua	on the right	bên phải
Unit 18: At the shopping centre			
1. near	gần	skirt	chân váy
2. opposite	đối diện	T-shirt	áo thun
3. behind	phía sau	gift shop	cửa hàng quà tặng
4. between	ở giữa	thousand	nghìn
5. excuse me	xin lỗi (để hỏi thăm)	shoe shop	hiệu giày
6. toy shop	cửa hàng đồ chơi	ice-cream	kem
Unit 19: The animal world			
1. giraffes	hươu cao cổ	dance beautifully	nhảy/ múa đẹp
2. lions	sư tử	run quickly	chạy nhanh
3. crocodiles	con cá sấu	roar loudly	gầm to
4. hippos	con hà mã	sing merrily	hát hay
5. peacocks	con công	neck	cái cổ
Unit 20: At summer camp			
1. buiding a campfire	đốt lửa trại	playing card games	chơi bài
2. putting up a tent	dựng lều trại	playing tug of war	chơi kéo co

3. telling a story	kể chuyện	singing songs	hát
4. taking a photo	chụp ảnh	dancing around the campfire	nhảy múa xung quanh lửa trại

II. BÀI TẬP

1. Look at the picture and complete the sentences. (Nhìn tranh viết từ)



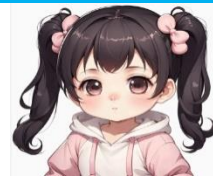
1. I live in a village.



2. My sister is and tall



3. I eat noodles in the



4. My baby has eyes



5. He's a



6. My father is an



7. I in the evening.



8. We want to go to the.....



9. She goes to the on Sundays.



10. I do housework in the.....



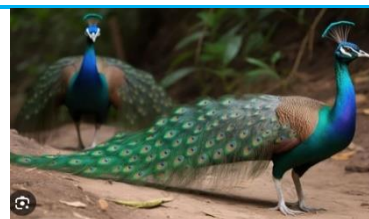
11. I in the evening.



12. I want to go to the



13. The hat is twenty.....dong.



14. I like because they dance beautifully.



15. It's avillage.



16. The weather was yesterday.



17. Theis forty thousand dong.



18. My sister goes to the on Sundays.



19. The T-shirt is thousand dong.



20. I like because they run quickly.



21. She on Sundays



22. It says ‘.....’

2. Reorder (Sắp xếp)

1. grandmother / on / works / a farm. / My /

=>

2. want / My / to / supermarket. / to/ parents / the / go /

=>

3. busy. / very / The / is/ street /

=>

4. face. /round / a / has / sister / My /

=>

5. factory. / works / father / at / My / a /

=>

6. on Sundays. / I / my parents/ with / do housework /

=>

7. live / Tran Hung Dao / My friends / Road. / in /

=>

8. mother / slim / My / beautiful. / is / and /

=>

9. my / morning, / read /with / In / books / I / the / father. /

=>

10. weekend. / at / to / He / music / the / listens /

=>

11. the supermarket. / get to / turn left / can / to /Mary/

=>

12. they / together. / In the evening, / a nice meal / have /

=>

13. between / The bakery / the / is / gift shop. / the bookshop / and /

=>

14. can/ He / and turn left / go straight / get to / the bakery. / to /

=>

15. the animals. / They are / want to / they / because / at the zoo / see /

=>

16. peacocks / because / I / beautifully. / like / dance / they /

=>

17. legs. / have / These animals / long necks / and /

=>

18. his family / on Sundays. / Ben and / things / a lot of / do /

=>

19. watches / cinema. / His sister / at the / a film /

=>

20. and I / shopping centre. / My mother / at the / are /

=>

3. Read and answer. Use ONE WORD and/or A NUMBER for each gap.

Today is a sunny day. Lan and Mai are going to the shopping centre. It is opposite the cinema. Lan wants to buy a book about giraffes because she loves them. It is sixty-five thousand dong. Mai wants a new T-shirt and a bag. Each of them is seventy thousand dong.

1. What is the weather like today?

Answer: _____

2. Where's the shopping centre? - It's opposite the _____.

Answer: _____

3. What does Lan want to buy?

Answer: _____





4. What animals does Lan like?

Answer: _____

5. How much is the T-shirt?

Answer: _____

4. Read and complete.

	30.0000			
campsite	thirty thousand	rainy	go straight	water park

It was (1) _____ all day yesterday, but it is hot and sunny today. We want to go to the (2) _____. It is opposite the (3) _____, so we just (4) _____ to get there. Many people want to go there to swim and play water games. The ticket is cheap. It is (5) _____ dong.

5. Read and choose the correct answers. (Khoanh tròn đáp án đúng)

Hi, I'm Jane. This is my sister, Maria. She is a beautiful girl with big eyes and long hair. She is a teacher at a school in Highsky Street. Her flat is near there, in Pink Street. On Sundays, she goes to the shopping centre. She sometimes takes me to the cinema on Saturday afternoons, and it is fun.

1. What does Maria look like?

- A. She has big eyes and long hair
- B. She has big eyes and short hair.
- C. She has beautiful eyes and long hair.

2. What does she do?

- A. an actor B.a student C.a teacher

3. Where does she live?

- A. in Highsky Street
- B. near Pink Street
- C.in Pink Street

4. What does she do on Sundays?

- A.teaches at school
- B. watches films
- C. goes to the shopping centre

5. Where do Jane and Maria sometimes go on Saturdays?

- A. to school B. to the shopping centre C. to the cinema
